TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2024
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiệp.
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.
- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Huấn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị Diễm L, sinh năm: 1971 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.
Nơi đăng ký thường trú: 60C Nguyệt Biều, T, thành phố H, Thừa Thiên H.
Chỗ ở hiện nay: I đường số C, phường I, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1975 *(Vắng mặt không lý do)*.
Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-7-2023, bản tự khai ngày 06-11-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Diễm L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn L1 đi đến hôn nhân do tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 17-12-2007. Không có nữ trang cưới. Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải với nhau, ông L1 còn có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ năm 2022 bà đã đi

khỏi nhà chồng và sống ly thân với ông L1 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào hàn gắn lại được. Nên bà khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn L1 có 01 con chung là Nguyễn Hồ Diễm T - sinh ngày 13-8-2008, sống chung với bà từ nhỏ đến nay. Khi ly hôn, theo đơn khởi kiện bà yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, nhưng quá trình giải quyết vụ án bà tự nguyện rút lại phần yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con, do hiện nay bà đủ khả năng chăm sóc tốt cho con chung.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài những giấy tờ đã nộp có trong hồ sơ vụ án, bà không nộp thêm chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Bà không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L1: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông L1 đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Qua xác minh với chính quyền địa phương ấp N, xã Đ và với mẹ ruột ông L1 là bà Nguyễn Thị N cho biết: Từ trước đến nay ông L1 có đăng ký thường trú tại địa phương, sinh sống cùng nhà với bà N, sau khi ông L1 cưới vợ là bà Hồ Thị Diễm L thì cũng ở chung nhà với bà N; Quá trình sống chung, bà L, ông L1 phát sinh mâu thuẫn, rồi sống ly thân nhau. Hiện tại ông L1 đi làm thuê ở xa, nhưng vẫn đi đi về về tại địa phương. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông L1 đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng ông L1 tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại Đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 06-11-2023, con chung là em Nguyễn Hồ Diễm T trình bày: Cha mẹ em là Hồ Thị Diễm L và Nguyễn Văn L1. Hiện em đang sống chung với mẹ. Khi cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của em là muốn được tiếp tục sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà L và bị đơn ông L1 đều vắng mặt, nên không có lời trình bày thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng về thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 54, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Diễm L: Cho bà L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1; Về con chung là Nguyễn Hồ Diễm T, sinh ngày 13-8-2008 giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn sống với mẹ; Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không tiếp tục yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, V đề nghị các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Hồ Thị Diễm L là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn L1 là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng ông L1 đều vắng mặt không lý do; Ngày 16-8-2024, Tòa án triệu tập hợp lệ ông L1 đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông L1 vắng mặt không lý do; Ngày 23-8-2024, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông L1 đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông L1 vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy bà Hồ Thị Diễm L và ông Nguyễn Văn L1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 17-12-2007, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian dài chung sống hạnh phúc, đến năm 2022, giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn. Bà L cho rằng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cải, ông L1 còn có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay mà không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà L cương quyết xin được ly hôn với ông L1. Đối với ông Nguyễn Văn L1, qua xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương ấp N, xã Đ và với bà Nguyễn Thị N là mẹ ruột của ông L1 cho biết, hiện nay mặc dù ông L1 đi làm thuê ở xa, nhưng vẫn thường xuyên trở về địa phương chung nhà với mẹ ruột; Bà N có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án để chuyển cho ông L1 như thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo Tòa án mời làm việc, xác nhận ông L1 có biết việc bà L khởi kiện ly hôn với ông L1, nhưng do ông L1 bận đi làm, nên không đến Tòa án được. Ông L1 cũng không

cung cấp lời khai, không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa ông với bà L.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Bà L, ông L1 xác lập hôn nhân từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian dài. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, khi bất hòa xảy ra, vợ, chồng không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, dẫn đến cự cải, tự ý sống ly thân và bỏ mặc nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…"*. Nhưng bà L, ông L1 đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau.

[5] Theo các Biên bản tiếp xúc và xác minh cùng ngày 30-7-2024 của Tòa án với chính quyền địa phương và người thân của ông L1 tại ấp N, xã Đ cho biết: Về mâu thuẫn cụ thể trong cuộc sống chung giữa bà L, ông L1 thì mọi người không nắm rõ, nhưng biết hai vợ chồng họ đã sống ly thân nhau hơn 02 năm nay, người thân hai bên có động viên nhưng bà L, ông L1 vẫn không hàn gắn lại được. Quá trình sinh sống tại ấp N, xã Đ, bà L, ông L1 không tranh chấp tài sản chung với nhau hoặc với ai, không tranh chấp hay khiếu nại gì về nợ chung với ai. Việc bà L xin ly hôn với ông L1, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[6] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải đoàn tụ vào các ngày 06-11-2023, 22-11-2023 để bà L, ông L1 có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông L1 đều vắng mặt không lý do. Thể hiện ông L1 không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà L.

[7] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà L, ông L1 đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn với ông L1 là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho bà L được ly hôn với ông L1.

[8] *Về con chung*: Bà Hồ Thị Diễm L và ông Nguyễn Văn L1 có một người con chung tên Nguyễn Hồ Diễm T, sinh ngày 13-8-2008, hiện đang sống chung với bà L. Tại Đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 06-11-2023, em T nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trường hợp khi giải quyết cha

mẹ ly hôn. Và xét thực tế thời gian bà L, ông L1 sống ly thân cho đến nay em T vẫn được bà L chăm sóc tốt. Do đó, cần xử cho bà L được quyền nuôi con là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Nay bà L tự nguyện rút phần yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con, nên đình chỉ phần yêu cầu này của bà L.

[9] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đối với bà Hồ Thị Diễm L xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, đối với ông Nguyễn Văn L1 không có lời khai, không cung cấp chứng cứ liên quan, không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[10] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà Hồ Thị Diễm L xác định quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Văn L1 không nợ ai, cũng không ai nợ bà và ông L1, không yêu cầu giải quyết. Đối với ông L1 đều vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa, nên không có lời trình bày của ông về xác định nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét.

[11] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Hồ Thị Diễm L có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[12] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Diễm L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Diễm L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hồ Diễm T, sinh ngày 13-8-2008 cho bà Hồ Thị Diễm L tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn được sống chung với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn của bà Hồ Thị Diễm L đối với ông Nguyễn Văn L1.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn

chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị Diễm L và ông Nguyễn Văn L1 không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Hồ Thị Diễm L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0017885 ngày 19-10-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đức Mỹ;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo